

Số: 09/2019/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
**Về việc đổi tên và thành lập một số thôn,
khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi tên và thành lập một số thôn, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đổi tên và thành lập một số thôn, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Thành phố Hải Dương: Thành lập 01 khu dân cư mới; đổi tên 07 khu dân cư.
2. Thành phố Chí Linh: Đổi tên 13 khu dân cư.
3. Huyện Cẩm Giàng: Thành lập 07 thôn mới.
4. Huyện Bình Giang: Thành lập 01 thôn mới.

(Chi tiết có danh mục kèm theo)

5. Tổng số thôn, khu dân cư của tỉnh Hải Dương sau khi đổi tên, thành lập một số thôn, khu dân cư mới: 1.339 thôn, khu dân cư (978 thôn, 361 khu dân cư). Trong đó:

- a) Thành phố Hải Dương: 189 thôn, khu dân cư (20 thôn, 169 khu dân cư).
- b) Thành phố Chí Linh: 156 thôn, khu dân cư (38 thôn; 118 khu dân cư).

- c) Huyện Kinh Môn: 113 thôn, khu dân cư (90 thôn, 23 khu dân cư).
d) Huyện Kim Thành: 91 thôn, khu dân cư (89 thôn, 02 khu dân cư).
đ) Huyện Nam Sách: 93 thôn, khu dân cư (84 thôn, 09 khu dân cư).
e) Huyện Thanh Hà: 97 thôn, khu dân cư (88 thôn, 09 khu dân cư).
g) Huyện Cẩm Giàng: 112 thôn, khu dân cư (108 thôn, 04 khu dân cư).
h) Huyện Bình Giang: 88 thôn, khu dân cư (83 thôn, 05 khu dân cư).
i) Huyện Gia Lộc: 113 thôn, khu dân cư (105 thôn, 08 khu dân cư).
k) Huyện Tứ Kỳ: 108 thôn, khu dân cư (104 thôn, 04 khu dân cư).
l) Huyện Thanh Miện: 83 thôn, khu dân cư (77 thôn, 06 khu dân cư).
m) Huyện Ninh Giang: 96 thôn, khu dân cư (92 thôn, 04 khu dân cư).

Điều 2. Bãi bỏ Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016-2021 về sắp xếp, sáp nhập, chia tách các thôn, khu dân cư để thành lập các thôn mới, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ;
 - Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản*);
 - Ban Công tác đại biểu;
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - TT HĐND; UBND; UBMTTQ tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
 - TT HĐND, UBND các huyện, TP;
 - Báo Hải Dương; Trung tâm CNTT – VP UBND tỉnh;
 - Lưu VT.
- } (để b/c)



Nguyễn Mạnh Hiền



DANH MỤC

CÁC THÔN, KHU DÂN CƯ ĐỔI TÊN, THÀNH LẬP MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương)

I. THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG: Thành lập 01 khu dân cư mới; đổi tên 07 khu dân cư.

1. Phường Phạm Ngũ Lão: Thành lập 01 Khu dân cư mới, đổi tên 03 Khu dân cư

a) Thành lập Khu dân cư số 10 trên cơ sở phần diện tích tự nhiên, dân số còn lại của Khu dân cư số 15 sau khi đã điều chỉnh chuyển 4,82 ha diện tích tự nhiên, 117 hộ gia đình, 363 nhân khẩu của Khu dân cư số 15 sang khu dân cư số 16 để thành lập Khu dân cư số 11.

Khu dân cư số 10 có diện tích tự nhiên 13,38 ha; 308 hộ gia đình, 1397 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Khu dân cư số 2 và Khu dân cư số 9; Tây giáp phường Tân Bình; Nam giáp phường Tân Bình; Bắc giáp phường Bình Hàn.

b) Đổi tên Khu dân cư số 4 thành Khu dân cư số 3

c) Đổi tên Khu dân cư số 5 thành Khu dân cư số 4

d) Đổi tên Khu dân cư số 6 thành Khu dân cư số 5

đ) Sau khi thành lập khu dân cư số 10 và đổi tên các khu dân cư, Phường Phạm Ngũ Lão có 11 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10 và Khu dân cư số 11.

2. Phường Trần Phú: Đổi tên 01 Khu dân cư.

a) Đổi tên Khu dân cư số 3 thành Khu dân cư số 2.

b) Sau khi đổi tên Khu dân cư số 3 thành Khu dân cư số 2, Phường Trần Phú có 07 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7.

3. Phường Trần Hưng Đạo: Đổi tên 01 Khu dân cư

a) Đổi tên Khu dân cư số 5 thành Khu dân cư số 1.

b) Sau khi đổi tên Khu dân cư số 5 thành Khu dân cư số 1, Phường Trần Hưng Đạo có 6 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6.

4. Phường Lê Thanh Nghị: Đổi tên 01 Khu dân cư

a) Đổi tên Khu dân cư số 17 thành Khu dân cư số 2.

b) Sau khi đổi tên Khu dân cư số 17 thành Khu dân cư số 2, Phường Lê Thanh Nghị có 08 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7 và Khu dân cư số 8.

5. Phường Quang Trung: Đổi tên 01 Khu dân cư

a) Đổi tên Khu dân cư số 16 thành Khu dân cư số 11

b) Sau khi đổi tên Khu dân cư số 16 thành Khu dân cư số 11, Phường Quang Trung có 11 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10 và Khu dân cư số 11.

II. THÀNH PHỐ CHÍ LINH: Đổi tên 13 khu dân cư

1. Đổi tên 13 khu dân cư thuộc Phường Phả Lại

a) Đổi tên Khu dân cư Bình Dương 1 thành khu dân cư số 1 Bình Dương;

b) Đổi tên Khu dân cư Bình Dương 2 thành khu dân cư số 2 Bình Giang;

c) Đổi tên Khu dân cư Lý Thường Kiệt thành khu dân cư số 3 Bình Giang;

d) Đổi tên Khu dân cư Bình Giang thành khu dân cư số 4 Bình Giang;

đ) Đổi tên Khu dân cư Thạch Thủy thành khu dân cư số 5 Thạch Thủy;

e) Đổi tên Khu dân cư Trần Hưng Đạo thành khu dân cư số 6 Phao Sơn;

g) Đổi tên Khu dân cư Tập thể nhà máy điện thành khu dân cư số 7 Phao Sơn;

h) Đổi tên Khu dân cư Nguyễn Trãi thành khu dân cư số 8 Phao Sơn;

i) Đổi tên Khu dân cư Đông Sơn thành khu dân cư số 9 Phao Sơn;

k) Đổi tên Khu dân cư Phao Sơn thành khu dân cư số 10 Phao Sơn;

l) Đổi tên Khu dân cư Ngọc Sơn thành khu dân cư số 11 Ngọc Sơn;

m) Đổi tên Khu dân cư Thái Học thành khu dân cư số 12 Thái Học;

n) Đổi tên Khu dân cư Cao Đường thành khu dân cư số 13 Cao Đường.

2. Sau khi đổi tên các khu dân cư, số lượng khu dân cư Phường Phả Lại không thay đổi, gồm 13 khu dân cư : Khu dân cư số 1 Bình Dương; Khu dân cư số 2 Bình Giang; Khu dân cư số 3 Bình Giang; Khu dân cư số 4 Bình Giang; Khu dân cư số 5 Thạch Thủy; Khu dân cư số 6 Phao Sơn; Khu dân cư số 7 Phao Sơn; Khu dân cư số 8 Phao Sơn; Khu dân cư số 9 Phao Sơn; Khu dân cư số 10 Phao Sơn; Khu dân cư số 11 Ngọc Sơn; Khu dân cư số 12 Thái Học; Khu dân cư số 13 Cao Đường.

III. HUYỆN CẨM GIANG: Thành lập 07 thôn mới

1. Thị trấn Lai Cách: Thành lập 02 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Lê Doi** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14,66 ha; 134 hộ gia đình; 449 nhân khẩu của thôn Doi với thôn Lê có diện tích tự nhiên 62,24 ha; 183 hộ gia đình, 598 nhân khẩu.

Thôn **Lê Doi** có diện tích tự nhiên: 76,90 ha; 317 hộ gia đình, 1.047 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Gạch và thôn Nghĩa; Tây giáp thôn Bàu; Nam giáp thôn Gạch; Bắc giáp thôn Phú An (xã Cao An).

b) Thành lập **Thôn Gạch** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 28,54 ha; 234 hộ gia đình, 819 nhân khẩu của thôn Gạch với Khu dân cư số 18 có diện tích tự nhiên 3,23 ha; 113 hộ gia đình, 391 nhân khẩu.

Thôn **Gạch** có diện tích tự nhiên 31,77 ha; 347 hộ gia đình, 1.210 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu Thương mại Lai Cách; Tây giáp thôn Bàu; Nam giáp Quốc lộ 5A; Bắc giáp thôn Lê Doi và thôn Nghĩa.

c) Sau khi thành lập các thôn mới, Thị trấn Lai Cách có 13 thôn, khu dân cư: thôn Lê Doi, thôn Gạch, thôn Ngọ, thôn Bàu, thôn Hoàng Đường, thôn Tiền, thôn Địa, thôn Năm, thôn Bể, thôn Nghĩa, thôn Trụ, thôn Trầm và khu dân cư Thống Nhất.

2. Xã Tân Trường: Thành lập 01 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Chi Mai** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,74 ha; 161 hộ gia đình, 547 nhân khẩu của thôn Trại Mai Trung với thôn Trại Chi Khê có diện tích tự nhiên 29,47 ha; 149 hộ gia đình, 517 nhân khẩu.

Thôn **Chi Mai** có diện tích tự nhiên 59,21 ha; 310 hộ gia đình; 1064 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Quý Dương; Tây giáp thôn Mai Trung và xã Kim Giang; Nam giáp trường THPT Cẩm Giàng II, Trường Tiểu học Tân Trường 1 và Trạm bơm Cầu Ghẽ; Bắc giáp xã Cẩm Sơn.

b) Sau khi thành lập Thôn Chi Mai, xã Tân Trường có 07 thôn: Chi Mai, Chi Thành, Quý Dương, Tràng Kỹ, Tân Kỳ, Phú Xá và Mai Trung.

3. Xã Cẩm Phúc: Thành lập 01 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Tân Cờ** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,80 ha; 185 hộ gia đình, 650 nhân khẩu của thôn Cờ Đỏ với thôn Tân Hòa có diện tích tự nhiên 31,20 ha; 206 hộ gia đình, 696 nhân khẩu.

Thôn **Tân Cờ** có diện tích tự nhiên 51,0 ha; 391 hộ gia đình; 1346 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Phúc Cầu; Tây giáp khu công nghiệp Phúc Điền; Nam giáp xã Hùng Thắng (huyện Bình Giang); Bắc giáp đường Quốc lộ 5A.

b) Sau khi thành lập Thôn Tân Cờ xã Cẩm Phúc có 06 thôn: Tân Cờ, Lê Xá, Vũ Xá, Phúc A, Phúc B và Phúc Cầu.

4. Xã Cẩm Điền: Thành lập 01 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Hoàng Hòa** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 46,01 ha; 134 hộ gia đình, 580 nhân khẩu của thôn Hòa Tô với thôn Hoàng Xá có diện tích tự nhiên 183,53 ha; 667 hộ gia đình, 2752 nhân khẩu.

Thôn **Hoàng Hòa** có diện tích tự nhiên 229,54 ha; 801 hộ gia đình; 3332 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu công nghiệp Phúc Điền; Tây

giáp xã Hưng Thịnh (huyện Bình Giang); Nam giáp xã Vĩnh Tuy (huyện Bình Giang); Bắc giáp đường Quốc lộ 5A.

b) Sau khi thành lập Thôn Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền có 02 thôn: Hoàng Hòa và Mậu Tài.

5. Xã Cẩm Đoài: Thành lập 01 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Ha Xá** trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 59,70 ha; 136 hộ gia đình, 504 nhân khẩu của thôn Hòa Bình với thôn Ha Xá có diện tích tự nhiên 169,70 ha; 532 hộ gia đình, 1854 nhân khẩu.

Thôn **Ha Xá** có diện tích tự nhiên 229,40 ha; 668 hộ gia đình; 2358 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Kim Xá; Tây giáp xã Cẩm Đông; Nam giáp xã Trùng Khánh và xã Thống Nhất huyện Gia Lộc; Bắc giáp thôn Quảng Cư.

b) Sau khi thành lập Thôn Ha Xá, xã Cẩm Đoài có 03 thôn: Ha Xá, Quảng Cư và Kim Xá.

6. Xã Cẩm Văn: Thành lập 01 thôn mới

a) Thành lập Thôn Văn Thai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 40,05 ha; 173 hộ gia đình, 574 nhân khẩu của thôn Uyên Đức với thôn Văn Thai có diện tích tự nhiên 382,23 ha; 1681 hộ gia đình, 6847 nhân khẩu.

Thôn **Văn Thai** có diện tích tự nhiên 422,28 ha; 1854 hộ gia đình; 7421 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp sông Thái Bình; Tây giáp thôn Hoàn Lộc; Nam giáp thôn Yên Vũ (xã Đức Chính); Bắc giáp huyện Lương Tài, (tỉnh Bắc Ninh).

b) Sau khi thành lập thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn có 03 thôn: Văn Thai, Hoàn Lộc và Trạm Nội Trang.

IV. HUYỆN BÌNH GIANG: Thành lập 01 thôn mới.

1. Thành lập **Thôn Thị Tranh** xã Thúc Kháng trên cơ sở nhập toàn bộ 35,92 ha diện tích tự nhiên; 141 hộ gia đình, 519 nhân khẩu của thôn Tranh Trong với thôn Tranh Ngoài có diện tích tự nhiên 79,09 ha; 366 hộ gia đình, 1.126 nhân khẩu.

Thôn Thị Tranh có diện tích tự nhiên 115,01 ha; 507 hộ gia đình, 1.645 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Châu Khê và xã Tráng Liệt; Tây giáp huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Nam giáp huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bắc giáp xã Tráng Liệt.

2. Sau khi thành lập Thôn Thị Tranh, xã Thúc Kháng có 06 thôn: Thôn Thị Tranh, thôn Châu Khê, thôn Lương Ngọc, thôn Ngọc Cục, thôn Tào Khê và thôn Ngọc Tân.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG